TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC YÊN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 10/2024/QĐST-HNGĐ	*Bắc Yên, ngày 10 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 15/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc xin ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Lương Long H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Chị Lừ Thị N, sinh năm 1983. Địa chỉ: Bản C, xã D, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lương Long H và chị Lừ Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm:

Anh Lương Long H và chị Lừ Thị N nhất trí thuận tình ly hôn.

b. Về con chung:

Anh H và chị N có 01 con chung là cháu Lương Thế H1, sinh ngày 14/6/2013. Anh H và chị N thống nhất giao cháu H1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H1 trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động); anh H nhận cấp dưỡng nuôi cháu H1 cùng chị N số tiền là 1.500.000VNĐ/01 tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng/ 01 tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12 năm 2024 cho đến khi cháu H1 trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động).

Sau khi ly hôn, anh H được quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh H, chị N xác nhận không có tài sản, nợ chung vợ chồng; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d. Về án phí: Anh Lương Long H nhận chịu toàn bộ án phí xin ly hôn là 150.000VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* và phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 150.000VNĐ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000638 ngày 27 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bắc Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Bắc Yên;
- Chi cục THADS huyện Bắc Yên;
- UBND thị trấn Hát Lót, Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Phương Thúy